TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 249/2023/QĐST - HNGĐ	*TP. T, ngày 21 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 322/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Anh T - Sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

2. Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: SN 98 D, phường N, TP T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 6 năm 2023, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên va chạm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự

thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T.

[2] Về con chung: Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá Minh H sinh ngày 29/01/2011 và cháu Lê Bảo N sinh ngày 20/11/2015.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Bá Minh H và cháu Lê Bảo N. Anh Lê Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cho hai cháu mỗi tháng 3.000.000đ/ 1 tháng/1 cháu (cụ thể: 02 cháu = 6.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi hai cháu thành niên.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá Minh H sinh ngày 29/01/2011 và cháu Lê Bảo N sinh ngày 20/11/2015.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Bá Minh H và cháu Lê Bảo N. Anh Lê Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cho hai cháu mỗi tháng 3.000.000đ/ 1 tháng/1 cháu (cụ thể: 02 cháu = 6.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi hai cháu thành niên.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh Lê Anh T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0003034 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị T đã nộp đủ lệ phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP T;
- UBND phường N, TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan A